TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2022
V/v: " ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Thọ.
2. Ông Nguyễn Thanh Vân.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
2. Bị đơn: Bà Dương Kim P, sinh năm 1997.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Tất cả đương sự xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 18/4/2022, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông Phạm Văn C và bà Dương Kim P tự nguyện kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/12/2021. Quá trình vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Nay ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn với bà P nên ông C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông C được ly hôn với bà P.

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 05/5/2022, bị đơn bà Dương Kim P trình bày:

Bà Dương Kim P thống nhất với phần trình bày của ông Phạm Văn C về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nơi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Nay ông C yêu cầu ly hôn thì bà P đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Văn C và bà Dương Kim P khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn C khởi kiện bà Dương Kim P về việc ly hôn. Hiện nay, bà Dương Kim P, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Phạm Văn C là nguyên đơn và bà Dương Kim P là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phạm Văn C và bà Dương Kim P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 17/12/2021, Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông Phạm Văn C và bà Dương Kim P nên quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Văn C và bà Dương Kim P là hợp pháp. Quá trình vợ chồng sống chung không hạnh phúc do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; vợ chồng thường xuyên cãi nhau; do đó, ông C và bà P sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Ông C và bà P đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C yêu cầu ly hôn thì bà P cũng đồng ý lý hôn và ông C, bà P đều yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn với bà P và không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông C và bà P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của ông C có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Văn C và bà Dương Kim P khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Phạm Văn C phải chịu là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C đối với bà Dương Kim P. Ông Phạm Văn C được ly hôn với bà Dương Kim P.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Văn C và bà Dương Kim P khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Phạm Văn C phải nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006446 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- UBND xã T, huyện C, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn